

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2022

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Văn Long.

Bà Nguyễn Thị Bích.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Không tham gia phiên tòa.**

Ngày 28/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn: Anh Trương Văn T**, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Danziger Str.139, 10407 Berlin, Cộng hòa liên bang Đức.

Người đại diện theo ủy quyền nhận, nộp các văn bản tố tụng cho anh T là ông Trương Văn Q, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số nhà 109, phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh B.  
(Văn bản ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức).

**\*Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1981

HKTT: Thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh B. (Vắng mặt).

Nơi ở: Storkower Str. 213, 10367 Berlin, Cộng hòa liên bang Đức.

Người đại diện theo ủy quyền nhận, nộp các văn bản tố tụng cho chị H là ông Trương Văn Q, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số nhà 109, phố Thanh Xuân, thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh B.  
(Văn bản ủy quyền có xác nhận của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là anh Trương Văn T trình bày:*

Năm 2016 anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2016 được Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và chị H theo anh sang Đức sinh sống và làm việc. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 6/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/10/2021 đến nay, từ ngày đó anh đã quyết định ra ở riêng không chung sống cùng chị H nữa. Vợ chồng đã không quan tâm đến nhau, ít liên lạc với nhau và không chung gì về vấn đề kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H không có con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và chị H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Chị Nguyễn Thị H là bị đơn trình bày (có xác nhận của đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức):* Năm 2016 chị có kết hôn với anh Trương Văn T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2016 được Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau và chị đã theo anh T sang Đức sinh sống và làm việc. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 6/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống không thể hòa giải được. Chị và anh T đã sống ly thân từ ngày 20/10/2021, anh T đã ra ở riêng không chung sống cùng chị nữa. Vợ chồng đã không quan tâm đến nhau, ít liên lạc với nhau và không chung gì về vấn đề kinh tế. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T có đơn đề nghị Tòa án xử cho anh T được ly hôn với chị, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vụ án này Tòa án không thu thập chứng cứ. Do vậy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Văn T và chị Nguyễn Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trương Văn T là nguyên đơn đơn cư trú, làm việc tại Công hòa liên bang Đức có đơn khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H có hộ khẩu thường trú tại Thị trấn Đồi Ng, huyện Lục N, tỉnh B và đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày ngày 12/7/2016 tại Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh B. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của anh T và chị H, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, anh T và chị H đã sống ly thân với nhau từ tháng 10/2021. Hai vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn sống chung với nhau nữa. Anh T và chị H đều thống nhất ly hôn. Như vậy vợ chồng anh T và chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trương Văn T đối với chị Nguyễn Thị H, xử cho anh T và chị H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Anh T và chị H đều trình bày không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Anh T và chị H đều trình bày không có tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Anh Trương Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trương Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về án phí: Anh Trương Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000254 ngày 24/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Trương Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Văn T, chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- UBND huyện Lục N;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Hà**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Văn Long Nguyễn Thị Bích**

**Trần Thị Hà**











